

Phụ lục III
ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT KHUYẾN NÔNG
Lĩnh vực: Thủy sản

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

1. NUÔI CÁ SỮ ĐẤT TRONG LỒNG BĂNG THỨC ĂN CÔNG NGHIỆP - Mã sản phẩm: TS 41214

Quy mô: Áp dụng cho 1.000m³ lồng

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/cán bộ	18	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	01-02 cán bộ

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Máy	01 - 02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02 - 04		
3	Thiết bị, dụng cụ: Thuyền, xô, chậu, vợt...	Bộ	01 - 02		
4	Hệ thống lồng				

C. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Cá Sủ đất giống	Con/m ³	7	Cỡ giống: 80-100g/con (18-20cm/con), cá khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có chứng nhận chất lượng theo quy định.	
2	Thức ăn	FCR	≤ 2.2	Hàm lượng protein ≥ 45%; Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh tại Việt Nam; Thời hạn sử dụng theo quy định của nhà sản xuất.	
3	Thuốc, hóa chất (BKC, TCCA), VitaminC, Bcomplex, Men tiêu hóa, tinh chất tỏi, formalin...	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án.			

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	1-2	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	HN	01		1 ngày/HN
	Hội nghị tổng kết	HN	01		1-2 ngày/HN

2. NUÔI THƯƠNG PHẨM CÁ CHÉP CHỌN GIỐNG V1 TRONG AO - Mã sản phẩm: TS 41215

Quy mô: Áp dụng cho 01 ha

A. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án.	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/cán bộ	12	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp.	01 cán bộ

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Quạt nước	Bộ	1 – 2	Công suất 1,5 kw	
2	Máy bơm	Máy	1	Công suất 6 – 10 kw	
3	Nhiệt kế	Cái	1	Nhiệt kế bách phân	
4	Đĩa secchi	Cái	1	Đường kính 25 cm	
5	Máy cho ăn tự động	Cái	1-2	Phù hợp với thực tế sản xuất	
6	Dụng cụ thuyền, lưới, xô chậu...	Bộ	01	Phù hợp với thực tế sản xuất	
7	Bộ kiểm tra ôxy hoà tan	Bộ	1	Có suất xử nguồn gốc rõ ràng.	
8	Bộ kiểm tra pH	Bộ	1		
9	Bộ kiểm tra H ₂ S	Bộ	1		
10	Bộ kiểm tra NO ₂	Bộ	1		

C. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Cá giống	Con/m ²	1,0	Kích cỡ cá thả 10 - 12 cm (30 - 50g/con); Cá giống có nguồn gốc rõ ràng. Cá khỏe mạnh, hoạt động bình thường, bơi thành đàn.	
2	Thức ăn	FCR	1,8	Thức ăn công nghiệp có hàm lượng protein $\geq 30\%$, nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh tại Việt Nam.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy trình, định mức hiện hành.			
4	Vật tư thiết yếu khác (test môi trường...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án			

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			≤ 30 người/lớp	
	Số lần	Lần	1-2		
	Thời gian	Ngày	1-2		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	HN	01		1 ngày/HN
	Hội nghị tổng kết	HN	01		1-2 ngày/HN

3. NUÔI CUA CÀ RA THƯỜNG PHẨM - Mã sản phẩm: TS 41216

Quy mô: Áp dụng cho 1 ha

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông.	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án.	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật.	Tháng/ cán bộ	12	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp.	01-02 cán bộ

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ	01-02	Lưu lượng 50-100m ³ /h	
2	Máy sục khí	Cái	1-2	Công suất 500 lít/ phút	
3	Máy cắt cá tạp	Cái	01	Công suất $\geq 1,5$ kw	
4	Bể chứa cà ra sau thu hoạch	Cái	2-3	Kích cỡ (15-20m ² /bể), bể cao 1m.	
5	Thiết bị dụng cụ: thuyền, chài, xô, chậu, lờ, giỏ, lưới,...	Bộ	02-04	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án.	
6	Sử dụng dịch vụ khác: thuê lưới thu hoạch, thuê máy nạo vét, cải tạo, gia cố ao.....				

C. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống				
1.1	Cua cà ra giống	Con/m ²	3	Quy cỡ giống 5-10g/con, con giống khỏe mạnh; có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng.	
1.2	Rong giống	Tấn	2,5 - 3	- Rong tươi, khỏe mạnh, ở giai đoạn sinh trưởng. - Trong quá trình nuôi duy trì rong bao phủ 60-70% diện tích ao nuôi.	Tạo giá thể và bổ sung thức ăn tự nhiên
2	Thức ăn công nghiệp hoặc cá tạp				
2.1	Thức ăn công nghiệp	FCR	$\leq 2,5$	Thức ăn dạng viên, Hàm lượng Protein $\geq 38\%$; thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh tại Việt Nam; thời hạn sử dụng dưới 3 tháng	

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
2.2	Cá tạp	FCR	6-7	Tôm, cá tươi, đảm bảo chất lượng	
3	Thuốc, hoá chất, chế phẩm sinh học....	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy trình kỹ thuật.			
4	Vật tư thiết yếu khác (test môi trường...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án			

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐV tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	1-2	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	HN	01		1 ngày/HN
	Hội nghị tổng kết	HN	01		1-2 ngày/HN

4. TRỒNG RONG SỤN THƯỜNG PHẨM BẰNG ỚNG LƯỚI - Mã sản phẩm: TS 41216*Quy mô: Áp dụng cho 01 ha***A. Định mức lao động**

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án	Nông đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn KT	Tháng/cán bộ	8	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	01 - 02 cán bộ

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước (máy rửa) và hệ thống sục khí	Bộ	01 - 02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án.	
2	Thiết bị, dụng cụ: Thuyền, xô, chậu, vợt...	Bộ	01 - 02		
3	Dây neo (đường kính 12-16mm)	Kg	150-180		
4	Dây treo ống lưới (đường kính 10-12mm)	Kg	80-100		
5	Phao bè HDPE (20-50 lít)	Cái	24-30		
6	Phao treo ống lưới (đường kính 30-70 cm)	Cái	100-200		
7	Neo (20-60kg/đơn vị)	Cái	12-40		
8	Lưới ống (đường kính 10-15 cm, mắt lưới 1-2 cm)	Kg	100-200		
9	Bao dứa (20kg)	Cái	500-1000		
10	Các vật tư, thiết bị đo các yếu tố môi trường, dụng cụ cắt, buộc rong,...	Bộ	1-2		

C. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Rong sụn giống				
-	Giai đoạn 1: ươm trong bè	Mầm	20.000	Mầm rong sụn có màu đỏ nâu bóng, cứng, không nhiễm bệnh có chiều dài 4-10 mm/mầm; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng.	

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
-	Giai đoạn 2: trồng tách chiết lần 1	Nhánh	50.000- 60.000	Rong giống có cọng dày, màu nâu đỏ hoặc xanh đậm, dài 10-15 cm/nhánh có ít nhất 2 mắt phân sinh, rong khỏe mạnh.	
-	Giai đoạn 3: trồng rong sụn thương phẩm	Nhánh	100.000 - 300.000	Rong giống có cọng dày, màu nâu đỏ hoặc xanh đậm, dài 15-20 cm/nhánh, rong khỏe mạnh.	
2	Vật tư thiết yếu khác (test môi trường, ...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án.			

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình			≤ 30 người/lớp	
	Số lần	Lần	1-2		
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	HN	01		1 ngày/HN
	Hội nghị tổng kết	HN	01		1-2 ngày/HN